

Bản án số: 1154/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-8-2018.  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túy Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lợi
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số xy, đường SL, ấp 5, xã HP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số xx đường số 457, tổ 5, ấp C, xã TA, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng V trình bày như sau:

Chị và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 Quyền số 01/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè rượu chè dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, anh Đ không chăm lo làm ăn, luôn gây ảnh hưởng đến tâm lý của chị và con cái khiến

gia đình không hạnh phúc. Đến năm 2013, chị cùng con trở về nhà cha mẹ ruột ở xã Hòa Phú để sinh sống do chị cãi vã với anh Đ. Khi chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh Đ không đến thăm hỏi, cũng không gọi chị về. Chị và anh Đ đã sống ly thân hơn 04 năm, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa. Cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị xin ly hôn dứt khoát với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Đặng Mạnh Đ1, sinh ngày 20/11/2007, hiện con chung đang sống cùng chị, chị xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị xác định không có.

Bị đơn anh Đặng Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 21 tháng 3 năm 2018, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là anh Đặng Văn Đ có nơi cư trú tại ấp C, xã TA, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tổng Đ1 Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V:

Chị V và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 Quyền số 01/2008, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Chị V trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè rượu chè khiến vợ chồng cãi vã nhau. Anh Đ không chăm lo làm ăn dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Đến năm 2013, chị cùng con trở về nhà cha mẹ ruột ở xã Hòa Phú để sinh sống sau khi chị cãi vã với anh Đ. Khi chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh Đ không đến thăm hỏi, cũng không gọi chị về. Từ đó, anh chị sống ly thân cho đến nay đã hơn 04 năm, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn anh Đ vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với vụ

kiện. Qua đó đã thể hiện anh Đ không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, chị V xác định chị và anh đã sống ly thân từ năm 2013. Xét thấy, chị V và anh Đ không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không Đ1 được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Chị V và anh Đ có 01 con chung tên Đặng Mạnh Đ1, sinh ngày 20/11/2007, hiện con chung đang sống cùng chị V, chị V xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Qua tham khảo ý kiến của cháu Đ1 có nguyện vọng sống cùng chị V. Nhằm tạo điều kiện để cháu Đ1 phát triển bình thường cũng như nguyện vọng của cháu Đ1, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đ1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Về nghĩa vụ dân sự chung: chị V xác định không có.

Bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Đặng Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao chị V trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Mạnh Đ1, sinh ngày 20/11/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị V xác định không có. Do anh Đ vắng mặt, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0032233 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Trung An, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Túy Phượng**